TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CS** **TỈNH GL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2023/QĐST-HNGĐ	*CS, ngày 30 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con chung khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Vũ Văn X, sinh năm 1975; trú tại: Thôn Grai Mek, xã Chư Pơng, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Bầu Zút, thị trấn CS, huyện CS, tỉnh GL

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Văn X và bà Nguyễn Thị H tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn ngày 19/3/2009 tại UBND thị trấn CS, huyện CS, tỉnh GL. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tin tưởng nhau, không hợp nhau trong suy nghĩ và định hướng tương lai. Tại buổi hoà giải, ông bà không đồng ý đoàn tụ gia đình, đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên thống nhất yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Vũ Văn X và bà Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Vũ Hồng A, sinh ngày 14/6/2010 và cháu Vũ Quang V, sinh ngày 02/11/2015. Ông bà thống nhất thỏa thuận, phù hợp với nguyện vọng của con, giao cháu Vũ Hồng A cho bà H; giao cháu Vũ Quang V cho ông X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 30/5/2023 cho đến khi con thành niên. Trường hợp cháu A và cháu V đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì bà H, ông X phải tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Vũ Văn X và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông Vũ Văn X và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Văn X và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Vũ Văn X và bà Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Vũ Hồng A, sinh ngày 14/6/2010 và Vũ Quang V, sinh ngày 02/11/2015.

Ông bà thống nhất thỏa thuận phù hợp với nguyện vọng của con chung, cháu Vũ Hồng A cho bà H; giao cháu Vũ Quang V cho ông X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 30/5/2023 cho đến khi con thành niên. Trường hợp cháu A và cháu V đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì bà H, ông X phải tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, về nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Vũ Văn X và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Vũ Văn X và bà Nguyễn Thị H mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí Tòa án để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002886 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện CS, tỉnh GL.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;

THẨM PHÁN

- VKSND huyện CS;
- Chi cục THADS huyện CS;
- UBND thị trấn CS, huyện CS, tỉnh GL.
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Đình H